

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

Tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

MỤC LỤC

Trang

| | |
|---|----------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| <i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014</i> | <i>06 - 07</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014</i> | <i>08</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014</i> | <i>09 - 10</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i> | <i>11 - 40</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

| | |
|------------------|---|
| Thành lập: | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303614496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2004 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này. |
| Hoạt động chính: | Xây dựng các công trình: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, điện; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị; Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản; Sản giao dịch bất động sản. |
| Mã chứng khoán: | PPI |
| Trụ sở chính: | 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Phạm Đức Tấn | Chủ tịch |
| Ông Đặng Văn Phúc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng | Thành viên |
| Ông Phạm Đức Trung | Thành viên |
| Ông Nguyễn Anh Phương | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|---|
| Ông Phạm Đức Tấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Văn Phúc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Xuân Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Đức Trung | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hân | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Hiền | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2014) |
| Ông Vũ Văn Tuấn | Phó Tổng Giám đốc (bãi nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2014) |

Ban kiểm soát

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Hà Hữu Khương | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Minh Giang | Thành viên |
| Ông Bùi Mạnh Hùng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2014) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thống đốc Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0016/BCKT/BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương ("Công ty"), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 13 (mười ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương giữ 12 (mười hai) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Ngọc Tinh - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1


Tô Quang Tùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Van Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| <i>TÀI SẢN</i> | <i>Mã số</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 861.919.055.766 | 751.139.292.593 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>110</i> | | <i>3.760.745.831</i> | <i>10.396.034.315</i> |
| 1. Tiền | 111 | 4 | 3.760.745.831 | 10.396.034.315 |
| <i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | <i>130</i> | <i>5</i> | <i>416.283.400.005</i> | <i>222.006.234.125</i> |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 5.1 | 301.630.038.789 | 141.749.390.144 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 5.2 | 99.785.149.519 | 67.762.606.937 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 5.3 | 19.082.769.749 | 12.494.237.044 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 5.4 | (4.214.558.052) | - |
| <i>III. Hàng tồn kho</i> | <i>140</i> | | <i>381.119.743.465</i> | <i>471.459.814.169</i> |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5 | 381.119.743.465 | 471.459.814.169 |
| <i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i> | <i>150</i> | | <i>60.755.166.465</i> | <i>47.277.209.984</i> |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 65.424.412 | 15.206.360 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.505.006.747 | 14.790.022.370 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 7 | 8.021.268.584 | 3.143.793.673 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 8 | 49.163.466.722 | 29.328.187.581 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 23.125.820.836 | 26.225.189.310 |
| <i>I. Tài sản cố định</i> | <i>220</i> | | <i>14.784.371.055</i> | <i>13.812.635.214</i> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 9.931.049.964 | 9.042.835.214 |
| - Nguyên giá | 222 | | 15.584.870.447 | 14.455.445.166 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (5.653.820.483) | (5.412.609.952) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 4.769.800.000 | 4.769.800.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 4.769.800.000 | 4.769.800.000 |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | 83.521.091 | - |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | <i>250</i> | <i>11</i> | <i>8.209.088.895</i> | <i>12.355.835.345</i> |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 11.1 | 2.318.541.064 | 1.215.287.514 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 11.2 | 8.928.522.905 | 14.978.522.905 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 11.3 | 800.000.000 | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 11.4 | (3.837.975.074) | (3.837.975.074) |
| <i>III. Tài sản dài hạn khác</i> | <i>260</i> | | <i>132.360.886</i> | <i>56.718.751</i> |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 132.360.886 | 56.718.751 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 885.044.876.602 | 777.364.481.903 |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

| <i>NGUỒN VỐN</i> | <i>Mã số</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|---|--------------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 548.058.508.123 | 511.058.181.489 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 476.514.922.294 | 448.129.470.124 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 12 | 256.816.672.945 | 297.367.757.717 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 13 | 62.666.528.501 | 59.946.382.497 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 57.592.827.666 | 9.998.822.789 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 14 | 2.234.801.499 | 2.372.268.937 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 2.928.056.157 | 41.100.000 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 15 | 68.214.615.382 | 36.261.495.452 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 16 | 24.402.252.414 | 40.380.475.002 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 1.659.167.730 | 1.761.167.730 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 71.543.585.829 | 62.928.711.365 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 17 | 71.543.585.829 | 62.928.711.365 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 336.986.368.479 | 266.306.300.414 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 336.986.368.479 | 266.306.300.414 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 250.490.530.000 | 140.490.530.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 34.773.603.651 | 86.080.207.303 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 22.410.313.978 | 22.410.313.978 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | 10.928.656.865 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 29.311.920.850 | 6.396.592.268 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 885.044.876.602 | 777.364.481.903 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng



Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Mã số</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|---|--------------|--------------------|------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 352.793.456.595 | 103.626.860.986 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 19 | 352.793.456.595 | 103.626.860.986 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 20 | 309.149.429.915 | 83.050.109.517 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 43.644.026.680 | 20.576.751.469 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 21 | 127.044.343 | 124.454.486 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 22 | 7.145.556.764 | 12.000.076.646 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 7.145.556.764 | 7.840.531.257 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 23 | 402.753.455 | 764.231.390 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 24 | 11.973.286.824 | 6.737.867.638 |
| 10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 24.249.473.980 | 1.199.030.281 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 25 | 477.272.727 | 12.697.341.424 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 26 | 1.498.199.173 | 13.779.660.916 |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác | 40 | | (1.020.926.446) | (1.082.319.492) |
| 14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế | 50 | | 23.228.547.534 | 116.710.789 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | 213.218.952 | 29.177.696 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 23.015.328.582 | 87.533.093 |
| 18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 28 | 1.225 | 6 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Phạm Thị Lan Hương

Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng



Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Mã số</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|---|--------------|--------------------|-------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| <i>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</i> | 01 | | <i>23.228.547.534</i> | <i>116.710.789</i> |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | 9 | 1.489.882.034 | 2.279.000.847 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 4.214.558.052 | 3.837.975.074 |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 861.857.810 | 1.131.704.672 |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 7.145.556.764 | 7.840.531.257 |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | | <i>36.940.402.194</i> | <i>15.205.922.639</i> |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (204.951.930.165) | 18.017.748.778 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | | 88.511.020.878 | (30.970.538.476) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 35.570.730.052 | 5.950.854.633 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | | (125.860.187) | 649.796.068 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (22.059.517.850) | (35.943.030.728) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (5.090.693.863) | (4.900.917.739) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | - | (142.915.969) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | | <i>(71.205.848.941)</i> | <i>(32.133.080.794)</i> |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.927.792.755) | (177.645.806) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 477.272.727 | 12.504.318.460 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (1.903.253.550) | (2.813.353.486) |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 127.044.343 | 44.874.670 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | | <i>(5.226.729.235)</i> | <i>9.558.193.838</i> |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Mã số</i> | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|---|--------------|--------------------|------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 101.733.500.000 | - |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 100.024.980.339 | 140.796.641.750 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (131.961.190.647) | (110.267.540.616) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <i>69.797.289.692</i> | <i>30.529.101.134</i> |
| | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (6.635.288.484) | 7.954.214.178 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 10.396.034.315 | 2.441.820.137 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 3.760.745.831 | 10.396.034.315 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2004 và giấy chứng nhận thay đổi tiếp theo bao gồm giấy chứng nhận thay đổi gần nhất lần thứ 18 ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh: Xây dựng các công trình: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, điện; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị; Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản; Sản giao dịch bất động sản.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 52 người.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, kế toán trên máy tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá gốc trừ dự phòng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm (do hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển, v.v) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao (tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

| | | | | |
|---|----|---|----|-----|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 | - | 30 | năm |
| Máy móc thiết bị | 05 | - | 10 | năm |
| Phương tiện vận tải | 03 | - | 10 | năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác | 04 | - | 08 | năm |

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thuần có thể thu hồi của các khoản đầu tư.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản đủ điều kiện để vốn hóa. Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Đồ dùng, thiết bị văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí sửa chữa.

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> | <i>Đầu năm</i> |
|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Tiền mặt | 1.412.414.670 | 2.205.154.931 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.348.331.161 | 8.190.879.384 |
| Cộng | 3.760.745.831 | 10.396.034.315 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

5.1. Phải thu khách hàng

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|--|-------------------------|------------------------|
| Phải thu hoạt động xây lắp | 124.991.310.573 | 22.603.996.537 |
| <i>Sở Giao thông vận tải Long An</i> | <i>90.052.245.383</i> | <i>-</i> |
| <i>Tổng CT ĐTPPT & QLDA HT GT Cửu Long</i> | <i>8.205.741.019</i> | <i>-</i> |
| <i>Cục quản lý đường bộ IV</i> | <i>7.610.777.649</i> | <i>-</i> |
| <i>Ban QLDA CTGT Long An</i> | <i>973.857.417</i> | <i>6.505.458.487</i> |
| <i>Ban QLDA đường HCM</i> | <i>2.275.265.046</i> | <i>2.250.989.521</i> |
| <i>Các khách hàng khác</i> | <i>15.873.424.059</i> | <i>13.847.548.529</i> |
| Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản | 176.638.728.216 | 119.145.393.607 |
| <i>Phải thu dự án Vĩnh Phú</i> | <i>97.529.506.702</i> | <i>54.399.822.249</i> |
| <i>Phải thu dự án Bến Lức</i> | <i>69.885.913.385</i> | <i>64.577.571.358</i> |
| <i>Phải thu dự án Chung cư Newtown</i> | <i>9.223.308.129</i> | <i>168.000.000</i> |
| Cộng | 301.630.038.789 | 141.749.390.144 |

5.2. Trả trước người bán

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|--------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Công ty CP XDCT Cửu Long | 10.437.014.423 | 8.695.477.338 |
| Công ty CP XDCT Miền Đông | 31.062.908.617 | 18.980.401.082 |
| Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương | 13.837.779.508 | - |
| Nhà máy sản xuất Ô tô 1-5 | 4.900.000.000 | - |
| Smartcorp International (HK) Limited | 1.566.955.800 | - |
| Ban Giải phóng Mặt bằng Bến Lức | 3.809.128.521 | 3.031.034.206 |
| Trả trước người bán khác | 34.171.362.650 | 37.055.694.311 |
| Cộng | 99.785.149.519 | 67.762.606.937 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.3. Các khoản phải thu khác

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Quang Duy | 12.991.942.249 | 11.807.622.125 |
| Bà Trịnh Thị Nhung (a) | 3.100.000.000 | - |
| Ông Lê Hưng Hải (b) | 2.150.000.000 | - |
| Phải thu khác | 840.827.500 | 686.614.919 |
| Cộng | 19.082.769.749 | 12.494.237.044 |

- (a) Công ty chuyển nhượng 310.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương cho bà Trịnh Thị Nhung theo hợp đồng chuyển nhượng số 01 ngày 28 tháng 2 năm 2014. Thời gian thanh toán cho Công ty bắt đầu từ tháng 04/2015 cho đến khi hết công nợ.
- (b) Công ty chuyển nhượng 215.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Miền Đông cho ông Lê Hưng Hải theo hợp đồng chuyển nhượng số 02 ngày 28 tháng 2 năm 2014. Thời gian thanh toán cho Công ty bắt đầu từ tháng 04/2015 cho đến khi hết công nợ.

5.4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|---------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Phải thu khách hàng | 1.821.082.139 | - |
| Trả trước người bán | 2.393.475.913 | - |
| Cộng | 4.214.558.052 | - |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

6. HÀNG TỒN KHO

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|--|-------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 11.954.545 | 16.778.184 |
| Hàng hóa | 6.295.405.069 | - |
| Hàng hóa bất động sản | 837.000.000 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 373.975.383.851 | 471.443.035.985 |
| <i>Dự án phát triển khu đô thị và căn hộ</i> | <i>365.207.841.083</i> | <i>451.806.263.981</i> |
| <i>Các công trình xây lắp và khác</i> | <i>8.767.542.768</i> | <i>19.636.772.004</i> |
| Cộng | 381.119.743.465 | 471.459.814.169 |

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|--------------------|-------------------------|------------------------|
| Thuế TNDN nộp thừa | 8.021.268.584 | 3.143.793.673 |
| Cộng | 8.021.268.584 | 3.143.793.673 |

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|-----------------|-------------------------|------------------------|
| Tạm ứng | 49.121.466.722 | 29.242.859.681 |
| Ký quỹ | 42.000.000 | 85.327.900 |
| Cộng | 49.163.466.722 | 29.328.187.581 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| CHỈ TIÊU | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | | Thiết bị văn phòng | | Cộng |
|------------------------|-------------------------------|------------|--------------------------|------------|--|------------|---------------------------|------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Nguyên giá | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.400.562.775 | | 5.694.841.326 | | 1.161.196.889 | | 198.844.176 | | 14.455.445.166 |
| Mua trong năm | - | | 1.884.135.301 | | 1.960.136.363 | | - | | 3.844.271.664 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.482.263.636) | | (1.175.208.571) | | - | | (57.374.176) | | (2.714.846.383) |
| Số dư cuối năm | 5.918.299.139 | | 6.403.768.056 | | 3.121.333.252 | | 141.470.000 | | 15.584.870.447 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.074.750.268 | | 2.619.595.204 | | 539.684.875 | | 178.579.605 | | 5.412.609.952 |
| Khấu hao trong năm | 272.631.946 | | 898.579.612 | | 306.511.724 | | 12.158.752 | | 1.489.882.034 |
| Thanh lý, nhượng bán | (469.383.486) | | (721.913.841) | | - | | (57.374.176) | | (1.248.671.503) |
| Số dư cuối năm | 1.877.998.728 | | 2.796.260.975 | | 846.196.599 | | 133.364.181 | | 5.653.820.483 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.325.812.507 | | 3.075.246.122 | | 621.512.014 | | 20.264.571 | | 9.042.835.214 |
| Số dư cuối năm | 4.040.300.411 | | 3.607.507.081 | | 2.275.136.653 | | 8.105.819 | | 9.931.049.964 |

Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 344.111.695 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Quyền sử dụng đất VND</i> |
|------------------------|----------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 4.769.800.000 |
| Số dư cuối năm | 4.769.800.000 |
| Hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | - |
| Số dư cuối năm | - |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 4.769.800.000 |
| Số dư cuối năm | 4.769.800.000 |

Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1. Đầu tư vào công ty con

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|--|-------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành | 2.318.541.064 | 1.215.287.514 |
| Cộng | 2.318.541.064 | 1.215.287.514 |

Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101663439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2012. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành là 50.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp đăng ký của Công ty là 49.900.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 99,8%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn thực góp của Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành là 2.318.541.064 đồng, trong đó Công ty góp 100% vốn, các cổ đông khác chưa tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa – Bình Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2. Đầu tư vào công ty liên kết

| CHỈ TIÊU | Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn thực góp tại 31/12/2014 | | Vốn thực góp tại 01/01/2014 | |
|--|--|--------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|--------------|
| | Vốn góp VND | Tỷ lệ (%) | Vốn thực góp VND | Tỷ lệ (%) | Vốn thực góp VND | Tỷ lệ (%) |
| Công ty CPĐT & PT Hạ Tầng Kinh Bắc (a) | 3.430.000.000 | 49,00% | 1.536.364.950 | 49,70% | 1.536.364.950 | 49,70% |
| Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long (b) | 4.500.000.000 | 30,00% | 4.500.000.000 | 85,71% | 4.500.000.000 | 85,71% |
| Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương (c) | 9.000.000.000 | 45,00% | 2.892.157.955 | 100,00% | 2.892.157.955 | 100,00% |
| Công ty CP XD CT Miền Đông (d) | 2.450.000.000 | 35,00% | - | - | 2.450.000.000 | 36,95% |
| Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương (d) | 3.600.000.000 | 30,00% | - | - | 3.600.000.000 | 30,00% |
| Cộng | 22.980.000.000 | - | 8.928.522.905 | - | 14.978.522.905 | - |

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102345282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc tương đương 3.430.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 1.536.364.950 đồng, chiếm tỷ lệ 49,70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311569462 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2012 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long, tương đương 4.500.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 4.500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,71% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Cửu Long.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312104420 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2012 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương, tương đương 9.000.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 2.892.157.955 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Nông sản Thái Bình Dương.

(d) Xem thuyết minh số 11.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3. Đầu tư dài hạn khác

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty CP XD CT Miền Đông (a) | 300.000.000 | - |
| Công ty CP ĐT & XD Thái Bình Dương (b) | 500.000.000 | - |
| Cộng | 800.000.000 | - |

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304827095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Miền Đông, tương đương 2.450.000.000 đồng. Ngày 28 tháng 02 năm 2014 Công ty chuyển nhượng 215.000 cổ phần "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng công trình Miền Đông", tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng công trình Miền Đông sau khi chuyển nhượng là 4,29% tương đương 300.000.000 đồng.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305658668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008 và các giấy chứng nhận thay đổi sau này, phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương, tương đương 3.600.000.000 đồng. Ngày 28 tháng 02 năm 2014 Công ty chuyển nhượng 310.000 cổ phần "Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương", tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương sau khi chuyển nhượng là 4,17% tương đương 500.000.000 đồng.

11.4. Dự phòng giảm giá đầu tư

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thái Bình Dương | 1.801.610.124 | 1.801.610.124 |
| Công ty CP ĐT và XD Thái Bình Dương | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Công ty CP ĐT và PT Hạ Tầng Kinh Bắc | 1.536.364.950 | 1.536.364.950 |
| Cộng | 3.837.975.074 | 3.837.975.074 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Ghi chú</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|---|----------------|-------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn (I) | | 218.634.570.445 | 280.209.402.417 |
| Công ty Tài Chính Cao Su | a | 25.534.376.667 | 81.132.072.667 |
| BIDV – chi nhánh Long An | b | 139.835.127.778 | 139.950.000.000 |
| Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức | c | 16.800.000.000 | 29.920.000.000 |
| Agribank – chi nhánh Miền Đông | d | 17.200.000.000 | 17.500.000.000 |
| Southern bank – phòng giao dịch Bình Triệu | e | 840.000.000 | 840.000.000 |
| Vay cá nhân | f | 18.425.066.000 | 10.367.329.750 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức | | - | 500.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 17) (II) | | 38.182.102.500 | 17.158.355.300 |
| Cộng (I + II) | | 256.816.672.945 | 297.367.757.717 |

- Vay Công ty Tài Chính Cao Su với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng, lãi suất vay 14%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Long An với thời gian vay từ 9 đến 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, lãi suất 11% - 13%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh Thủ Đức với thời hạn vay từ 6 - 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, lãi suất 10% - 10,5%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh Miền Đông với thời gian vay 8 - 12 tháng để bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình lãi suất 11%/năm, được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay ngân hàng TMCP Phương Nam (Southernbank) - phòng giao dịch Bình Triệu với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14% - 16%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- Vay cá nhân với lãi suất 0% - 24%/năm, thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng, mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty Xây dựng Lê Phan – TNHH | 5.569.846.320 | - |
| Công ty CP ĐT & PT Công nghiệp 135 Long An | 3.438.902.708 | 6.863.771.769 |
| Công ty CP Xây lắp 801 | 1.149.770.167 | 1.174.024.882 |
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT | 1.350.475.000 | - |
| Công ty CP DV Đường cao tốc VN | 1.531.104.236 | 1.961.104.236 |
| Công ty TNHH MTV KCC | 2.232.716.640 | - |
| Công ty CP Miền Đông | 9.299.679.742 | 9.299.679.742 |
| Công ty TNHH Nguyễn Lê Nguyễn | 3.115.412.352 | 284.398.772 |
| Công ty TNHH XD TM Phú Minh Hải | 1.114.161.099 | - |
| Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức | 11.821.300.000 | 25.656.944 |
| Công ty TNHH MTV Raxin | 1.075.838.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Tấn Kiệt | 1.145.760.000 | - |
| Công ty TNHH SL XD Tân Phú | 1.281.284.004 | - |
| Công ty TNHH ĐT TM & XNK Lâm Nguyễn | 1.297.711.575 | - |
| Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Thái Bình Dương | - | 14.759.460.612 |
| Công ty TNHH ĐT & XD Phúc Long | - | 3.312.000.000 |
| Phải trả người bán khác | 17.242.566.658 | 22.266.285.540 |
| Cộng | 62.666.528.501 | 59.946.382.497 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|-----------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 1.835.880.554 | 2.121.335.345 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 398.920.945 | 250.933.592 |
| Cộng | 2.234.801.499 | 2.372.268.937 |

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 30.288.993.226 | 16.063.848.336 |
| Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng | 37.761.622.156 | 20.037.647.116 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 164.000.000 | - |
| Chi phí khác | - | 160.000.000 |
| Cộng | 68.214.615.382 | 36.261.495.452 |

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Cuối năm</i> <i>VND</i> | <i>Đầu năm</i> <i>VND</i> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 87.215.533 | 123.456.901 |
| Bảo hiểm xã hội | 296.172.391 | - |
| Bảo hiểm y tế | 30.491.010 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 13.615.280 | - |
| Phải trả phải nộp khác | 23.974.758.200 | 40.257.018.101 |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (*)</i> | <i>14.920.175.642</i> | <i>33.019.755.389</i> |
| <i>Xí nghiệp Xây dựng công trình Giao thông 1</i> | <i>2.418.809.883</i> | <i>2.418.809.883</i> |
| <i>Công ty CP XNK Nông Sản Thái Bình Dương</i> | <i>355.540.863</i> | <i>338.561.863</i> |
| <i>Phải trả khác</i> | <i>6.280.231.812</i> | <i>4.479.890.966</i> |
| Cộng | 24.402.252.414 | 40.380.475.002 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

- (*) Hợp tác theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 91/HĐHT-08 ngày 04 tháng 07 năm 2008 và các phụ lục bổ sung sau này để xây dựng dự án khu Dân cư Trung tâm giai đoạn 2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Công ty làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng trên, sản phẩm đất nền của dự án sẽ được chia cho hai bên theo tỉ lệ 51% cho Công ty và 49% dành cho Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức. Đến ngày 01 tháng 04 năm 2014, theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐHT thì hai bên phân chia sản phẩm theo tỉ lệ thỏa thuận mới là Công ty còn được nhận 35%, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức được nhận 65%. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức đã góp 84.999.894.442 đồng và đã nhận 29.445,26 m² đất nền tương ứng 70.079.718.800 đồng. Dự án này còn đang tiếp tục thực hiện.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Ghi chú</i> | <i>Cuối năm VND</i> | <i>Đầu năm VND</i> |
|-------------------------------------|----------------|-------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn (I) | | 109.725.688.329 | 80.087.066.665 |
| BIDV – chi nhánh Long An | a | 43.348.295.664 | 6.100.000.000 |
| Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức | b | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Sacombank – chi nhánh Trần Hưng Đạo | c | 63.377.392.665 | 63.987.066.665 |
| Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An | | - | 7.000.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (II) | | 38.182.102.500 | 17.158.355.300 |
| Vietinbank – chi nhánh Thủ Đức | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Sacombank – chi nhánh Trần Hưng Đạo | | 35.182.102.500 | 7.158.355.300 |
| Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An | | - | 7.000.000.000 |
| Cộng (I – II) | | 71.543.585.829 | 62.928.711.365 |

- a. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Long An với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 13%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động xây dựng công trình, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- b. Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh Thủ Đức với thời hạn vay 36 tháng để tài trợ khu chung cư cao tầng Newtowner, lãi suất 12,5%/năm, khoản vay đảm bảo bằng tài sản của Công ty.
- c. Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - chi nhánh Trần Hưng Đạo với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 14,3%/năm, mục đích vay thực hiện dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ ven sông Sài Gòn, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

| CHỈ TIÊU | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư phát triển | | Quỹ dự phòng tài chính | | Lợi nhuận chưa phân phối | | Cộng VND |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----|--------------------------|-----|----------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Số dư đầu năm trước | 140.490.530.000 | 86.080.207.303 | 21.494.068.253 | 10.928.656.865 | 7.254.104.900 | 266.247.567.321 | | | | | |
| Lợi nhuận năm trước | - | - | - | - | 87.533.093 | 87.533.093 | | | | | |
| Trích lập các quỹ | - | - | 916.245.725 | - | (916.245.725) | - | | | | | |
| Chi thù lao HĐQT - BKS | - | - | - | - | (28.800.000) | (28.800.000) | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 140.490.530.000 | 86.080.207.303 | 22.410.313.978 | 10.928.656.865 | 6.396.592.268 | 266.306.300.414 | | | | | |
| Tăng vốn | 110.000.000.000 | - | - | - | - | 110.000.000.000 | | | | | |
| Lãi/(lỗ) sau thuế | - | - | - | - | 23.015.328.582 | 23.015.328.582 | | | | | |
| Sử dụng quỹ (*) | - | (43.040.103.652) | - | (10.928.656.865) | - | (53.968.760.517) | | | | | |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (8.266.500.000) | - | - | - | (8.266.500.000) | | | | | |
| Chi thù lao HĐQT - BKS | - | - | - | - | (100.000.000) | (100.000.000) | | | | | |
| Số dư cuối năm nay | 250.490.530.000 | 34.773.603.651 | 22.410.313.978 | - | 29.311.920.850 | 336.986.368.479 | | | | | |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2014, biên bản họp Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 08 năm 2014, Công ty sử dụng 50% phần thặng dư vốn cổ phần tương đương 43.040.103.652 đồng và toàn bộ quỹ dự phòng tài chính để bù đắp các khoản tổn thất trong kinh doanh. Việc sử dụng thặng dư vốn cổ phần và toàn bộ quỹ dự phòng tài chính để xử lý tổn thất đầu tư tài chính đã được sự chấp thuận của Bộ tài chính theo công văn số 13652/BTC-CDK T ngày 26 tháng 09 năm 2014 và của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo công văn số 1476/SGDHCM-NY ngày 14 tháng 10 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3726 9701

Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 25.049.053 | 14.049.053 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>25.049.053</i> | <i>14.049.053</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.049.053 | 14.049.053 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>25.049.053</i> | <i>14.049.053</i> |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. DOANH THU

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|---|------------------------|------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Doanh thu của hoạt động kinh doanh bất động sản | 177.149.980.550 | 40.025.231.536 |
| Doanh thu của hoạt động xây lắp | 146.883.145.015 | 50.070.207.663 |
| Doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ | 28.760.331.030 | 13.531.421.787 |
| Cộng | 352.793.456.595 | 103.626.860.986 |

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|---|------------------------|-----------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 140.366.664.650 | 21.131.448.998 |
| Giá vốn của hoạt động xây lắp | 139.392.177.321 | 48.433.473.193 |
| Giá vốn của hoạt động thương mại, dịch vụ | 29.390.587.944 | 13.485.187.326 |
| Cộng | 309.149.429.915 | 83.050.109.517 |

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Lãi tiền gửi | 127.044.343 | 44.874.670 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 79.579.816 |
| Cộng | 127.044.343 | 124.454.486 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 7.145.556.764 | 7.840.531.257 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 23.973.275 |
| Lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết | - | 3.837.975.074 |
| Chi phí tài chính khác | - | 297.597.040 |
| Cộng | 7.145.556.764 | 12.000.076.646 |

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | - | 232.597.307 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | - | 81.360.019 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 74.441.455 | 95.433.109 |
| Chi phí bằng tiền khác | 328.312.000 | 354.840.955 |
| Cộng | 402.753.455 | 764.231.390 |

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|---------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.116.641.132 | 2.366.091.894 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 431.606.751 | 173.099.631 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 86.651.334 | 225.971.241 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 289.288.016 | 658.956.298 |
| Thuế, phí và lệ phí | 8.166.638 | 6.123.000 |
| Chi phí dự phòng | 4.214.558.052 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.474.875.742 | 2.314.819.244 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.351.499.159 | 992.806.330 |
| Cộng | 11.973.286.824 | 6.737.867.638 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

25. THU NHẬP KHÁC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Thu thanh lý tài sản cố định | 477.272.727 | 12.504.318.460 |
| Lãi phạt trả chậm | - | 193.022.964 |
| Cộng | 477.272.727 | 12.697.341.424 |

26. CHI PHÍ KHÁC

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 1.482.953.064 | 13.680.897.802 |
| Chi phí khác | 15.246.109 | 98.763.114 |
| Cộng | 1.498.199.173 | 13.779.660.916 |

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1) | 23.228.547.534 | 116.710.789 |
| Điều chỉnh tăng lợi nhuận (2) | 4.221.601.052 | - |
| Điều chỉnh giảm lợi nhuận (3) | (26.616.039.715) | - |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay (4)=(1)+(2)+(3) | 834.108.871 | 116.710.789 |
| Thuế suất (5) | - | 25% |
| Thuế TNDN ước tính năm nay (6)=(4)+(5) | 183.503.952 | 29.177.696 |
| Thuế TNDN năm 2012 bị truy thu (7) | 29.715.000 | - |
| Chi phí thuế TNDN năm nay (8)=(6)+(7) | 213.218.952 | 29.177.696 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TĂNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|---|------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế (1) | 23.015.328.582 | 87.533.093 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2) | - | - |
| Lãi/ (lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3 = 1 + 2) | 23.015.328.582 | 87.533.093 |
| Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4) | 18.780.560 | 14.049.053 |
| Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5 = 3/4) | 1.225 | 6 |

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 28.976.277.952 | 1.812.830.039 |
| Chi phí nhân công | 12.252.181.879 | 6.207.763.314 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 431.606.751 | 461.054.373 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 86.651.334 | 357.281.260 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.471.274.605 | 2.279.000.847 |
| Chi phí máy thi công | 1.921.303.881 | 179.609.538 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 8.166.638 | 6.123.000 |
| Chi phí dự phòng | 4.214.558.052 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.351.404.893 | 10.521.608.631 |
| Chi phí bằng tiền khác | 48.984.431.768 | 47.477.299.144 |
| Chi phí nhà thầu | 98.408.890.868 | 86.459.607.205 |
| Cộng | 206.106.748.621 | 155.762.177.351 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ
ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 31.21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh,
quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| <i>Đối tượng</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Giá trị VND</i> |
|---|--------------------|--------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa Bình Thành | Công ty con | Cho thuê xe | 58.636.364 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long | Công ty liên kết | Bán vật tư | 666.419.999 |
| | | Giao thầu xây lắp | 29.808.602.253 |
| | | Bán tài sản | 477.272.727 |
| | | Mua tài sản | 85.227.273 |
| | | Cho thuê văn phòng | 49.090.908 |
| Công ty Cổ phần XNK Nông Sản Thái Bình Dương | Công ty liên kết | Thuê xe | 150.000.000 |
| | | Mượn tiền | 45.000.000 |
| | | Trả tiền mượn | 28.021.000 |

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

| <i>Đối tượng</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung</i> | <i>Phải thu/ (Phải trả) VND</i> |
|---|--------------------|-------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần BT Thủ Thừa - Bình Thành | Công ty con | Cho thuê xe | 86.500.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Cửu Long | Công ty liên kết | Bán vật tư | 679.872.963 |
| | | Ứng trước tiền giao thầu xây lắp | 10.147.014.423 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kinh Bắc | Công ty liên kết | Giao thầu xây lắp | (583.542.323) |
| Công ty Cổ phần XNK Nông Sản Thái Bình Dương | Công ty liên kết | Mượn tiền | (355.540.863) |

c. Tổng tiền lương, thưởng và thù lao của các thành viên lãnh đạo chủ chốt:

| | <i>Năm nay VND</i> | <i>Năm trước VND</i> |
|--|------------------------|--------------------------|
| Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám độc | 2.303.322.401 | 1.407.242.569 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

31. THÔNG TIN BỘ PHẬN

a. Báo cáo bộ phận - theo lĩnh vực kinh doanh

| <i>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</i> | <i>Hoạt động bất động sản</i> VND | <i>Hoạt động xây lắp</i> VND | <i>Khác</i> VND | <i>Cộng</i> VND |
|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu và thu nhập khác | 177.149.980.550 | 146.883.145.015 | 29.364.648.100 | 353.397.773.665 |
| Chi phí trực tiếp | (140.366.664.650) | (139.392.177.321) | (29.390.587.944) | (309.149.429.915) |
| Chi phí phân bổ | (16.799.070.243) | (2.722.526.800) | (1.498.199.173) | (21.019.796.216) |
| Lợi nhuận trước thuế | 19.984.245.657 | 4.768.440.894 | (1.524.139.017) | 23.228.547.534 |
| Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) | (26.616.039.715) | 4.221.601.052 | - | (22.394.438.663) |
| Thu nhập chịu thuế | (6.631.794.058) | 8.990.041.946 | (1.524.139.017) | 834.108.871 |
| Chuyển lỗ các hoạt động | 6.631.794.058 | (8.155.933.075) | 1.524.139.017 | - |
| Thu nhập tính thuế | - | 834.108.871 | - | 834.108.871 |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% | 22% | 22% | 22% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 183.503.952 | - | 183.503.952 |
| Chi phí thuế TNDN bị truy thu | - | 29.715.000 | - | 29.715.000 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 19.984.245.657 | 4.555.221.942 | (1.524.139.017) | 23.015.328.582 |

Thông tin về tài sản bộ phận và công nợ bộ phận: Công ty không theo dõi và báo cáo tài sản và công nợ theo bộ phận.

b. Báo cáo bộ phận - theo khu vực địa lý

| <i>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</i> | <i>TP. Hồ Chí Minh</i> VND | <i>Long An</i> VND | <i>Miền Trung</i> VND | <i>Khác</i> VND | <i>Cộng</i> VND |
|---|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ | 46.647.300.411 | 211.481.792.262 | 16.873.634.389 | 77.790.729.533 | 352.793.456.595 |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN HẠ TẦNG THÁI BÌNH DƯƠNG**Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Địa chỉ: 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3726 9701 Fax: (08) 3726 9872**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

| | Số cuối năm | | Giá trị ghi sổ | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|-------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tài sản tài chính | | | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.760.745.831 | - | 10.396.034.315 | - | - | - | 3.760.745.831 | 10.396.034.315 |
| Phải thu khách hàng | 301.630.038.789 | 1.821.082.139 | 141.749.390.144 | - | - | - | 299.808.956.650 | 141.749.390.144 |
| Trả trước cho người bán | 99.785.149.519 | 2.393.475.913 | 67.762.606.937 | - | - | - | 97.391.673.606 | 67.762.606.937 |
| Phải thu khác | 19.082.769.749 | - | 12.494.237.044 | - | - | - | 19.082.769.749 | 12.494.237.044 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 12.047.063.969 | 3.837.975.074 | 16.193.810.419 | 3.837.975.074 | 3.837.975.074 | - | 8.209.088.895 | 12.355.835.345 |
| Cộng | 436.305.767.857 | 8.052.533.126 | 248.596.078.859 | 3.837.975.074 | 3.837.975.074 | 428.253.234.731 | 244.758.103.785 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 256.816.672.945 | - | 297.367.757.717 | - | - | - | 256.816.672.945 | 297.367.757.717 |
| Phải trả người bán | 62.666.528.501 | - | 59.946.382.497 | - | - | - | 62.666.528.501 | 59.946.382.497 |
| Người mua trả tiền trước | 57.592.827.666 | - | 9.998.822.789 | - | - | - | 57.592.827.666 | 9.998.822.789 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.234.801.499 | - | 2.372.268.937 | - | - | - | 2.234.801.499 | 2.372.268.937 |
| Chi phí phải trả | 68.214.615.382 | - | 36.261.495.452 | - | - | - | 68.214.615.382 | 36.261.495.452 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 24.402.252.414 | - | 40.380.475.002 | - | - | - | 24.402.252.414 | 40.380.475.002 |
| Vay và nợ dài hạn | 71.543.585.829 | - | 62.928.711.365 | - | - | - | 71.543.585.829 | 62.928.711.365 |
| Cộng | 543.471.284.236 | - | 509.255.913.759 | - | - | 543.471.284.236 | 509.255.913.759 | |

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

33. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán và các khoản vay có lãi suất cố định.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày ở thuyết minh số 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

| <i>Tài sản tài chính</i> | <i>Giá trị ghi sổ</i> | <i>Trong đó</i> | |
|--------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|
| | | <i>Quá hạn</i> | <i>Giảm giá</i> |
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Phải thu khách hàng | 6.070.273.801 | 6.070.273.801 | - |
| Trả trước người bán | 2.393.475.913 | 2.393.475.913 | - |
| Cộng | 8.463.749.714 | 8.463.749.714 | - |

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

| <i>Công nợ tài chính</i> | <i>Dưới 01 năm VND</i> | <i>Từ 01 đến 05 năm VND</i> | <i>Trên 5 năm VND</i> | <i>Cộng VND</i> |
|--|----------------------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------|
| Cuối năm | | | | |
| Vay | 256.816.672.945 | 71.543.585.829 | - | 328.360.258.774 |
| Phải trả người bán | 62.666.528.501 | - | - | 62.666.528.501 |
| Người mua trả tiền trước | 57.592.827.666 | - | - | 57.592.827.666 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.234.801.499 | - | - | 2.234.801.499 |
| Chi phí phải trả | 68.214.615.382 | - | - | 68.214.615.382 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 24.402.252.414 | - | - | 24.402.252.414 |
| Đầu năm | | | | |
| Vay | 297.367.757.717 | 62.928.711.365 | - | 360.296.469.082 |
| Phải trả người bán | 59.946.382.497 | - | - | 59.946.382.497 |
| Người mua trả tiền trước | 9.998.822.789 | - | - | 9.998.822.789 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.372.268.937 | - | - | 2.372.268.937 |
| Chi phí phải trả | 36.261.495.452 | - | - | 36.261.495.452 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 40.380.475.002 | - | - | 40.380.475.002 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

34. THÔNG TIN KHÁC

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



Phạm Thị Lan Hương
Người lập biểu

Tô Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

Phạm Đức Tấn
Tổng Giám đốc